

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 01-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cô Kim Thảo
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1990, tại xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Nơi cư trú: Xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K và bà Phan Thị L; có vợ là Trần Thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/9/2012 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt một năm sáu tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”. Ngày 12/7/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 28/10/2017 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 24/8/2001

Trú tại: Tổ dân phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

2. Chị Hồ Thị Hoàng L, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ dân phố C, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình – vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của bị hại (chị Nguyễn Thị Hồng Đ): Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1960

Trú tại: Tổ dân phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình- có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Huy H, sinh năm 1981; trú tại: Tổ dân phố C, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình – vắng mặt

2. Anh Võ Chí L, sinh năm 1990; trú tại: Xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 7/9/2017, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển kiểm soát 73K6-1294 đi từ chợ B về nhà. Khi đi qua nhà ông Nguyễn Xuân Đ ở TDP 3, phường P, thị xã B, quan sát xung quanh và trong nhà không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp. N dừng xe rồi đi bộ vào lối cửa chính, tới vị trí cửa sổ phòng ngủ của chị Nguyễn Thị Hồng Đ (con gái ông Đ) thì nhìn thấy chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER E5-571 được đặt trên một cái bàn học ở trên giường nằm sát cửa sổ. N dùng tay thò qua song cửa lấy trộm chiếc máy tính rồi điều khiển xe mô tô đến tiệm mua bán di động “Huy Hùng” ở TDP M, phường T, thị xã B và bán cho anh Phạm Huy H với giá 1.500.000 đồng. Số tiền trên N đã sử dụng tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 30/HĐ ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, xác định chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER E5-571 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 8.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn N khai nhận còn thực hiện một vụ trộm cắp khác, cụ thể:

Vào khoảng 8 giờ ngày 21/10/2017, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển kiểm soát 73K6-1294 đến quán massage của hội người mù ở khu phố 1, phường Đ, thị xã B rồi dừng xe và đi vào trong quán thấy chị Hồ Thị Hoàng L đang ngủ. N quan sát xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N đi tới giường ngủ của chị L thì thấy chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J5 để ở cuối chân giường. N lấy bỏ vào túi và tiếp tục đi tới đầu giường dùng tay kéo ngăn kéo ở đầu giường ra và lấy một ví da màu đỏ bỏ vào túi quần rồi rời khỏi quán. N điều khiển xe mô tô đi qua đập tràn thuộc phường P, thị xã B dừng lại mở ví da ra xem thì thấy bên trong có 600.000 đồng, N lấy tiền rồi vứt ví da xuống nước dưới chân Đập tràn. Đến ngày 22/10/2017, N điều khiển xe mô tô tới cửa hàng mua bán điện thoại di động “Táo Việt” ở TDP M, phường T, thị xã B và bán cho anh Võ Chí L với giá 1.900.000 đồng. Số tiền trên N sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/HĐ ngày 06/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B xác định: Chiếc Samsung Galaxy J5 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 2.500.000 đồng

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển kiểm soát 73K6-1294 và một máy tính xách tay nhãn hiệu ACER E5-571. Ngày 20/12/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Trần Thị T một xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển kiểm soát 73K6-1294. Ngày 25/11/2017 trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ một máy tính xách tay nhãn hiệu ACER E5-571.

Về dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Hồng Đ đã nhận lại được tài sản bị mất trộm, Chị Hồ Thị Hoàng L đã nhận đủ tiền bồi thường; chị Đ, chị L và đại diện hợp pháp của chị Đ không có yêu cầu gì và cam đoan không khiếu nại gì về dân sự. Người liên quan anh Phạm Huy H và bị cáo Nguyễn Văn N thống nhất bị cáo N hoàn trả số tiền 2.200.000 đồng cho anh H. Anh H đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì. Anh Võ Chí L không có yêu cầu gì về mặt dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 09/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; bố mẹ bị cáo đều có công với cách mạng. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 12 đến 15 tháng tù về tội: “trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Hồng Đ đã nhận lại tài sản trộm cắp, chị Hồ Thị Hoàng L đã nhận đủ số tiền bồi thường, anh Phạm Huy H đã nhận đủ số tiền do bị cáo thỏa thuận hoàn trả và không có ai yêu cầu gì, nên không có đề nghị gì.

Về vật chứng: Không; Hình phạt bổ sung: Không.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận chính bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng Đ vào ngày 07/9/2017 và trộm cắp tài sản của chị Hồ Thị Hoàng L vào ngày 21/10/2017 như đã nêu trên. Đồng thời bị cáo cũng đồng ý với việc định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Bị cáo cũng nhất trí với bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Tòa giảm nhẹ hình phạt, bị cáo biết tội lỗi của mình và ăn năn hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 07/9/2017, tại nhà của ông Nguyễn Xuân Đ ở TDP 3, phường P, thị xã B, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Hồng Đ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER E5-571 trị giá 8.500.000 đồng và vào khoảng 8 giờ ngày 21/10/2017, tại quán massage của hội người mù ở khu phố 1, phường Đ, thị xã B, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi trộm cắp của chị Hồ Thị Hoàng L 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J5 trị giá 2.500.000 đồng và 01 ví da màu đỏ bên trong có 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N có đầy đủ dấu hiệu của tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính bị cáo cũng thừa nhận hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của nhiều người, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, làm cho người dân hoang mang lo lắng trong sinh hoạt đời sống. Trường hợp phạm tội của bị cáo là do lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đi vắng nhà không có người trông coi đã đột nhập vào nhà chiếm đoạt tài sản cho nên phương thức, thủ đoạn phạm tội của bị cáo cũng rất tinh vi và liều lĩnh.

[4]. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra để đạt được mục đích. Nguyên nhân điều kiện phạm tội của bị cáo là do bị cáo chây lười lao động, không chí thú làm ăn, không có tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh lòng tham, bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội.

[5]. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm

tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại và có nghĩa vụ hoàn trả cho người liên quan số tiền do mua máy tính trộm cắp bị thu hồi; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bố mẹ của bị cáo đều có công với cách mạng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về nhân thân của bị cáo mặc dù chưa có tiền án, tiền sự nhưng ngoài phạm tội trong vụ án, trước đây bị cáo đã có 3 lần phạm tội. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì đã được xóa án tích. Vì vậy, xác định bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Qua cân nhắc các vấn đề nêu trên, xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội nhưng không sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo không tự rèn luyện mình mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, để phòng chống loại tội phạm này, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật đồng thời cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt là phù hợp và tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Liên quan trong vụ án còn có anh Phạm Huy H và anh Võ Chí L là người đã mua chiếc máy tính xách tay và chiếc điện thoại di động do bị cáo N đã trộm cắp. Nhưng khi mua anh H và anh L không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của H và L không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chỉ nhắc nhở là phù hợp.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Hồng Đ đã nhận lại tài sản trộm cắp là máy tính xách tay, chị Hồ Thị Hoàng L đã nhận đủ số tiền bồi thường của bị cáo N, anh H đã nhận đủ số tiền mà bị cáo N hoàn trả do mua và sửa chữa máy tính trộm cắp bị thu hồi, không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc thu giữ và trả lại cho chị Trần Thị T 01 xe mô tô, chị Nguyễn Thị Hồng Đ 01 máy tính xách tay của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là hoàn toàn phù hợp, không có ai yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[11]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/10/2017

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước;

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- CA TX Ba Đồn;
- VKSND TX Ba Đồn;
- THADS TX Ba Đồn;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Bị cáo và người bị hại;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

